Tổng hợp số liệu khai thác các chuyến bay đúng giờ, chậm, hủy của các hãng hàng không Việt Nam – 4 tháng năm năm 2022

Chỉ tiêu	Vietnam Airlines		VietJet Air		Jetstar Pacific		VASCO		Bamboo Airways		Viettravel		Tổng		
	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Tỷ trọng
CHUYẾN BAY KHAI THÁC	**33.108**		**28.150**		**3.720**		**2.585**		**14807**		**998**		**83.368**		
Tăng/giảm so cùng kỳ	*10,1%*		*-3,6%*		*-34,5%*		*9,5%*		*-7,3%*		*-12,5%*		*-1,3%*		
SỐ CHUYẾN BAY CẤT CÁNH ĐÚNG GIỜ (OTP)	**29.087**	*87,9%*	**25.081**	*89,1%*	**3.476**	*93,4%*	**2.389**	*92,4%*	**14351**	*96,9%*	**930**	*93,2%*	**75.314**	*90,3%*	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*-6,2*		*-3,3*		*0,1*		*-0,3*		*0,5*		*-3,3*		*-3,5*	
CHẬM CHUYẾN	**4.021**	12,1%	**3.069**	10,9%	**244**	6,6%	**196**	7,6%	**456**	3,1%	**68**	6,8%	**8.054**	9,7%	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*6,2*		*3,3*		*-0,1*		*0,3*		*-0,5*		*3,3*		*3,5*	
1. Trang thiết bị và dịch vụ tại Cảng	505	*1,5%*	162	*0,6%*	5	*0,1%*	21	*0,8%*	3	*0,0%*	4	*0,4%*	700	*0,8%*	*8,7%*
2. Quản lý, điều hành bay	81	*0,2%*	1	*0,0%*	1	*0,0%*	10	*0,4%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	93	*0,1%*	*1,2%*
3. Hãng hàng không	465	*1,4%*	424	*1,5%*	40	*1,1%*	16	*0,6%*	98	*0,7%*	7	*0,7%*	1.050	*1,3%*	*13,0%*
4. Thời tiết	105	*0,3%*	50	*0,2%*	22	*0,6%*	15	*0,6%*	22	*0,1%*	0	*0,0%*	214	*0,3%*	*2,7%*
5. Lý do khác	1.053	*3,2%*	24	*0,1%*	13	*0,3%*	5	*0,2%*	22	*0,1%*	3	*0,3%*	1.120	*1,3%*	*13,9%*
6. Tàu bay về muộn	1.812	*5,5%*	2.408	*8,6%*	163	*4,4%*	129	*5,0%*	311	*2,1%*	54	*5,4%*	4.877	*5,8%*	*60,6%*
HỦY CHUYẾN	**508**	*1,5%*	**86**	*0,3%*	**4**	*0,1%*	**14**	*0,5%*	**16**	*0,1%*	**0**	*0,0%*	**628**	*0,7%*	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*-1,4*		*-0,3*		*-0,1*		*-1,4*		*-0,1*		*-0,2*		*-0,6*	
1. Thời tiết	14	*0,0%*	21	*0,1%*	4	*0,1%*	12	*0,5%*	9	*0,1%*	0	*0,0%*	60	*0,1%*	*9,6%*
2. Kỹ thuật	0	*0,0%*	8	*0,0%*	0	*0,0%*	2	*0,1%*	5	*0,0%*	0	*0,0%*	15	*0,0%*	*2,4%*
3. Thương mại	0	*0,0%*	2	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	2	*0,0%*	*0,3%*
4. Khai thác	39	*0,1%*	55	*0,2%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	2	*0,0%*	0	*0,0%*	96	*0,1%*	*15,3%*
5. Lý do khác	455	*1,4%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	455	*0,5%*	*72,5%*